

Tổng quan quốc tế hoá giáo dục phổ thông tại Châu Á và bài học cho Việt Nam

Lê Anh Vinh¹, Trần Mỹ Ngọc^{*2}

¹ Email: vinhle@vnies.edu.vn

^{*} Tác giả liên hệ

² Email: ngoctm@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội,
Việt Nam

TÓM TẮT: Hội nhập quốc tế là một yếu tố không thể thiếu để đáp ứng xu hướng toàn cầu và quốc tế hoá giáo dục, là mục tiêu quan trọng của thế kỷ XXI đối với nhiều quốc gia. Trong thời gian gần đây, quốc tế hoá giáo dục ở cấp học phổ thông (Mầm non - Lớp 12) đã trở thành một xu hướng nhằm chuẩn bị kiến thức và kỹ năng cho thế hệ học sinh, nguồn nhân lực tương lai của mỗi quốc gia. Kết quả nghiên cứu của bài viết chỉ ra rằng, tại khu vực Châu Á, nhiều quốc gia đã nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của hiện tượng này, thể hiện qua việc triển khai các dự án giáo dục quốc gia về hội nhập quốc tế; ví dụ, tích hợp nội dung quốc tế vào chương trình giáo dục quốc dân. Quốc tế hoá giáo dục đã thay đổi quá trình đánh giá chất lượng giáo dục, với việc lan rộng các kì thi chuẩn hóa và kì thi liên quốc gia. Cụ thể, Việt Nam đã có những tiến bộ đáng kể trong việc khuyến khích trao đổi quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài và tích hợp nội dung chương trình quốc tế. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đối diện với nhiều thách thức. Do đó, cần áp dụng các giải pháp hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và trở thành một quốc gia tiên phong trong quá trình hội nhập quốc tế tại khu vực Châu Á nói chung.

TỪ KHÓA: Hội nhập quốc tế, quốc tế hoá giáo dục, giáo dục phổ thông, khu vực Châu Á, Việt Nam.

→ Nhận bài 29/7/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 26/8/2023 → Duyệt đăng 20/10/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12320201>

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, quá trình toàn cầu hóa đã trở thành một yếu tố không thể thiếu. Nó tạo ra sự kết nối ngày càng tăng trong mọi lĩnh vực tương tác, từ công nghệ, công nghiệp, kinh tế đến chính trị và văn hóa. Điều này không chỉ là nhu cầu mà còn là một lực đẩy quan trọng để tạo ra lực lượng lao động có năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế [1]. Tuy nhiên, điều này đặt ra những thách thức lớn về yêu cầu sự thông thạo ngôn ngữ quốc tế và hiểu biết văn hóa đa dạng cho học sinh của mỗi quốc gia [2].

1.1. Tầm quan trọng của quốc tế hoá giáo dục

Nhằm đáp ứng những yêu cầu này, các nhà chính sách và giáo dục đã nhấn mạnh tầm quan trọng của yếu tố quốc tế trong giáo dục. Theo Fullan (2007), quá trình toàn cầu hóa đã tạo ra nhu cầu thay đổi và chuyển đổi trong giáo dục [3]. Thế giới ngày nay đòi hỏi những công dân có trình độ giáo dục cao, có khả năng học tập liên tục và làm việc trong môi trường văn hóa đa dạng cả ở mức địa phương và quốc tế. Toàn cầu hóa không chỉ thay đổi cách chúng ta sống và làm việc mà còn đòi hỏi sự thích nghi và chuyển đổi trong giáo dục [4].

Giáo dục hiện đại cần tập trung vào việc phát triển kỹ năng toàn cầu, bao gồm khả năng giao tiếp, làm việc nhóm đa văn hoá, khả năng thích ứng, tư duy sáng tạo

và khả năng giải quyết vấn đề [5]. Đồng thời, khuyến khích sinh viên tham gia trải nghiệm học tập quốc tế và giao lưu với sinh viên từ các quốc gia khác cũng rất quan trọng để mở rộng tầm nhìn và phát triển tư duy toàn cầu. Đối với giáo viên, Hallinger (2009) chỉ ra rằng, cần thay đổi phương pháp giảng dạy để khuyến khích sự tương tác, trao đổi ý kiến và khám phá thế giới xung quanh [6]. Giáo dục toàn cầu hóa cần tạo ra những công dân thông minh, linh hoạt và nhạy bén văn hóa, sẵn sàng đối mặt với thách thức và cơ hội trong một thế giới ngày càng kết nối mạnh mẽ. Có thể nói, quốc tế hoá giáo dục không chỉ là một xu hướng mà còn là một yêu cầu thực tiễn vô cùng quan trọng trong xã hội hiện đại. Để đáp ứng nhu cầu toàn cầu hóa, giáo dục phải định hướng để đào tạo nhân lực có khả năng thích nghi và tận dụng cơ hội trong thế giới mới.

1.2. Nghiên cứu về quốc tế hoá giáo dục

Tổng quan nghiên cứu cho thấy, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về hội nhập quốc tế trong giáo dục nhưng phần lớn các nghiên cứu đang tập trung vào giáo dục đại học, chỉ có một số ít các nghiên cứu tập trung vào giáo dục phổ thông [7]. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng, hai thập kỷ vừa qua đã có một sự thúc đẩy đáng kể và nhiều cuộc thảo luận chính trị về việc cần thay đổi nền giáo dục Mỹ hướng tới mô hình giáo dục đáp ứng nhu

cầu quốc tế hoá phổ thông (K-12), trong đó tính quốc tế hoá có thể được thể hiện đa phương diện, bao gồm: mô hình tổ chức, chính sách của các nhà quản lý giáo dục, thực hành giáo dục với những thành tố cụ thể từ chương trình đến phương pháp [8], [9], [10]. Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, việc thực hiện đồng bộ các thành tố sẽ làm gia tăng hiệu quả về hội nhập quốc tế trong giáo dục phổ thông.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan lý thuyết

2.1.1. Định nghĩa về quốc tế hoá giáo dục

Khái niệm về quốc tế hoá giáo dục (Educational internationalisation) đã được ra đời từ những năm 1990 bởi các nhà nghiên cứu giáo dục tại Mỹ. Arum và van de Water (1992) định nghĩa quốc tế hoá giáo dục bao gồm những nội dung quốc tế trong chương trình giảng dạy, trong phong trào và hoạt động mang yếu tố quốc tế giữa học sinh (Ví dụ, các chương trình trao đổi học sinh/sinh viên quốc tế), trong những hợp tác quốc tế của nhà trường với các tổ chức ngoài nước nhằm mục tiêu trao đổi và nâng cao kiến thức giáo dục trong quá trình hội nhập quốc tế [11], [12]. Trong những thập kỷ tiếp theo, với sự phát triển nhanh và lớn mạnh của các tổ chức giáo dục quốc tế trên toàn thế giới, khái niệm quốc tế hoá giáo dục được nhắc tới nhiều hơn, từ đó nhiều định nghĩa khác nhau cũng được ra đời. Theo Knight (2004), quốc tế hóa giáo dục được hiểu là quá trình hội nhập quốc tế về tất cả các lĩnh vực, rộng hơn việc chỉ dạy và học [13]. Mansilla và Jackson (2011) cho rằng, quốc tế hoá giáo dục là quá trình “Thay đổi cơ sở giáo dục từ cấp quốc gia thành cấp quốc tế”. Trong đó, cơ sở giáo dục cần phát triển tầm nhìn và triết lý giáo dục nhằm thúc đẩy năng lực toàn cầu của học sinh [9, tr.29]. Từ năm 1991, Hiệp hội Giám sát và Phát triển Chương trình giảng dạy (ASCD) đã tạo ra một cuốn sổ tay để hỗ trợ các nhà giáo dục tích hợp các chương trình giáo dục toàn cầu trong trường học nằm trong hệ thống [14].

2.1.2. Thực trạng về quốc tế hoá giáo dục trên thế giới

Thời điểm những năm 1990, quá trình quốc tế hoá được cho là chủ yếu vì mục đích phát triển và viện trợ giữa các nước. Từ hai thập kỷ gần đây, với sự bùng nổ mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hoá, quốc tế hoá giáo dục của từng quốc gia chịu nhiều ảnh hưởng từ những biến động lớn về văn hoá, ngoại giao, chính trị, kinh tế giữa các nước trong khu vực và trên cả phạm vi quốc tế [15].

Cụ thể, cuộc điều tra dân số trên toàn thế giới về các chính sách quốc gia được thực hiện bởi Muresan, Crăciun và Roceanu (2018) cho thấy, chỉ 11% quốc gia trên toàn thế giới có chiến lược chính thức cho quốc tế hóa. Hầu hết trong số đó đã được áp dụng trong thập kỷ qua [16]. Các chiến lược này chủ yếu được phát triển bởi các quốc gia có thu nhập cao, khoảng 75% bởi các

thành viên của OECD và hai phần ba bởi các quốc gia Châu Âu với các chương trình như Erasmus+ và Horizon 2020 nhằm thúc đẩy sự hài hòa khu vực của hệ thống giáo dục đại học trong khu vực đó [17]. Ngoài ra, một số quốc gia có kế hoạch được ghi chép đầy đủ, trong khi các quốc gia khác không có kế hoạch nhưng có các hoạt động được xác định thực hiện [18]. Các chính sách quốc gia bao gồm một loạt hoạt động và đa dạng như: tập trung vào chương trình du học, duy trì quan hệ song phương, đẩy mạnh giáo dục ngoại ngữ. Trong một số trường hợp, các sáng kiến được thực hiện ở cấp khu vực (Ví dụ: Châu Âu hoặc ASEAN) hoặc hợp tác với các tổ chức quốc tế như OECD, UNESCO, Ngân hàng Thế giới (World Bank). Các dự án quốc tế hoá hiện tại có xu hướng nằm trong các dự án nhỏ nói chung và khá rời rạc. Chỉ một số quốc gia (Ví dụ: Đức) và các khu vực (Ví dụ: Châu Âu) có cách tiếp cận và thực hành toàn diện hơn đối với quốc tế hóa. Trung Quốc và Đông Nam Á (ASEAN) là những ví dụ khác về chính sách quốc gia và khu vực có cách tiếp cận chiến lược hơn [4]. Cụ thể, Trung Quốc đang vô cùng tích cực trong việc tăng cường vị thế trong khu vực và toàn cầu thông qua các chính sách thu hút sinh viên quốc tế, mở rộng các cơ sở đào tạo ở nước ngoài và thúc đẩy hình ảnh đất nước với tư cách một trung tâm giáo dục của khu vực, thông qua các chương trình học bổng “Con đường Tơ lụa” trong sáng kiến “Vành đai và Con đường” [17].

2.1.3. Quốc tế hoá giáo dục phổ thông tại Châu Á

Quá trình quốc tế hoá giáo dục đã và đang diễn ra toàn cầu, khu vực Châu Á đặc biệt nhận được nhiều quan tâm. Lí do thứ nhất, Châu Á chiếm gần 60% dân số thế giới với lợi thế về dân số trẻ, dễ dàng tiếp cận với công nghệ mới và mang nhiều tiềm năng tạo ra đột phá, được dự đoán sớm trở thành động lực phát triển kinh tế mới của toàn cầu [18]. Báo cáo chỉ ra rằng, hiện nay, Châu Á đang chiếm 1/3 lưu lượng hàng hoá giao dịch trên thế giới, được dự đoán sẽ đóng góp 50% GDP của thế giới và 40% lượng tiêu dùng toàn cầu vào năm 2040 [8]. Các chuyên gia kinh tế cũng đồng ý rằng, hai thập kỷ tiếp theo sẽ là thời điểm vàng của các quốc gia Châu Á. Trong đó, trung tâm của thế giới đang dịch chuyển về hướng lục địa này [18]. Lí do thứ hai, trong hai thập kỷ vừa qua, sinh viên Châu Á được biết đến là nguồn nhân lực lớn nhất cho thị trường du học hội nhập quốc tế. Theo báo cáo của Viện Giáo dục Toàn cầu [19], năm học 2020 - 2021, có 645.622 học sinh đến từ Châu Á lựa chọn du học tại Mỹ giữa đại dịch COVID-19, chiếm 70% tổng số du học sinh tại Mỹ (914,095 học sinh). Điều này khẳng định nhu cầu và tiềm năng khổng lồ của thị trường Châu Á đối với quá trình quốc tế hoá giáo dục. Ngoài ra, đối với những nền kinh tế đang phát triển trong khu vực, quốc tế hoá được xem là điều kiện

tiên quyết giúp hệ thống giáo dục phát triển theo tiêu chuẩn quốc tế, nhằm theo kịp sự phát triển của khu vực và toàn cầu, cải thiện thứ hạng quốc tế. Chang (2015) nhấn mạnh rằng, để đạt được những thành tựu kinh tế nổi bật này, nhu cầu quốc tế hoá giáo dục trở thành điều cốt yếu để đào tạo ra những thế hệ công dân toàn cầu, dẫn đầu thời cuộc hội nhập [5].

Tương tự với xu hướng trên thế giới, phần lớn những nghiên cứu về quốc tế hoá giáo dục trong bối cảnh Châu Á tập trung chủ yếu vào giáo dục đại học, trong khi nghiên cứu và tài liệu hướng dẫn quốc tế hoá giáo dục phổ thông là vô cùng khan hiếm. Cụ thể, trong một số hội thảo quốc tế, các nhà nghiên cứu và chuyên gia thường quan tâm đặc biệt đến việc cải thiện các chỉ số quốc tế ở bậc Đại học, tập trung đưa ra những phương án tối ưu liên quan đến quốc tế hoá chương trình giảng dạy, quốc tế hoá trải nghiệm dạy và học, các chương trình giao lưu và trao đổi văn hoá, xếp hạng nghiên cứu đại học [14], [17], [19].

2.2. Đánh giá tổng quan về quốc tế hoá giáo dục phổ thông khu vực Châu Á

2.2.1. Khung đánh giá quốc tế hoá giáo dục

Mặc dù hiện nay chưa có khung lý thuyết nào được chấp nhận rộng rãi để đánh giá quá trình quốc tế hoá giáo dục các cấp nhưng đã có một số khung lý thuyết được xây dựng và sử dụng phổ biến. Hai khung lý thuyết được lựa chọn là cơ sở lý luận cho nghiên cứu này bao gồm: 1) Sự giao điểm giữa Mô hình Tổng quan Quốc tế hoá của Knight và deWitt (2004) và Mô hình Chỉ số Hiệu suất cho Quốc tế hóa của Paige (2005) [13], [20]; 2) Nghiên cứu về định hướng trong hội nhập quốc tế giáo dục bởi Kupriyanov và cộng sự (2015) [14]. Nghiên cứu này sẽ kết hợp các yếu tố từ hai khung lý thuyết trên để xây dựng tiêu chí đánh giá tổng quan về quốc tế hoá giáo dục phổ thông khu vực Châu Á. Cụ thể, mô hình thể hiện sự giao điểm giữa Mô hình Tổng quan Quốc tế hoá của Knight và deWitt (2004) và Mô hình Chỉ số Hiệu suất cho Quốc tế hóa của Paige (2005) được kết hợp nhằm đánh giá và đo lường nỗ lực quốc tế hóa trong bối cảnh các trường đại học (xem Hình 1). Trong khi khung công cụ của Knight và deWitt cung cấp một cái nhìn tổng thể về quốc tế hóa, tập trung vào việc tích hợp nó vào toàn bộ trường đại học thì mô hình của Paige cung cấp một phương pháp chi tiết và đo lường thông qua các chỉ số hiệu suất cụ thể. Bằng cách kết hợp các yếu tố từ cả hai khung công cụ, các cơ sở giáo dục có thể áp dụng một cách tiếp cận toàn diện đối với kế hoạch và đánh giá quốc tế hóa [20].

Khung lý thuyết thứ hai được sử dụng để xây dựng nền tảng cho nghiên cứu này mang tên: Nghiên cứu về Định hướng trong quốc tế hoá giáo dục bởi Kupriyanov và cộng sự (2015) (xem Hình 2).

Tác giả đưa ra 06 mức độ hội nhập quốc tế của giáo dục cần được xem xét và nghiên cứu, bao gồm:

Phương pháp tiếp cận ở cấp độ tổ chức	Mô tả
Hoạt động	Quốc tế hóa được thể hiện dưới dạng các hoạt động như du học, chương trình giảng dạy và chương trình học thuật, liên kết mạng lưới các trường, các dự án phát triển và các cơ sở chỉ nhánh giữa các khu vực.
Kết quả	Quốc tế hóa được thể hiện dưới hình thức kết quả đầu ra mong muốn như năng lực của học sinh, số lượng hồ sơ du học quốc tế tăng lên, nhiều thỏa thuận quốc tế hơn và các đối tác hoặc dự án ngoài nước.
Mục đích	Quốc tế hóa được tạo dựng dựa trên các động lực hoặc lý do chính thúc đẩy quá trình này. Điều này có thể bao gồm các tiêu chuẩn học tập, việc thu nhập, sự đa dạng văn hóa và phát triển sinh viên và nhân viên trong nhà trường.
Quá trình	Quốc tế hóa được hiểu là việc tạo ra một nền văn hóa hoặc môi trường trong khuôn viên trường nhằm thúc đẩy và hỗ trợ sự hiểu biết quốc tế / liên văn hóa và tập trung vào các hoạt động trong khuôn viên trường.
Nội bộ	Quốc tế hóa được hiểu là việc tạo ra một nền văn hóa hoặc môi trường trong khuôn viên trường nhằm thúc đẩy và hỗ trợ hiểu biết quốc tế / liên văn hóa và tập trung vào các hoạt động trong khuôn viên trường.
Yếu tố bên ngoài	Quốc tế hóa được coi là việc cung cấp giáo dục xuyên biên giới cho các quốc gia khác thông qua nhiều phương thức khác nhau (Mặt đối mặt, từ xa, học trực tuyến) và thông qua các thỏa thuận hành chính khác nhau (nhượng quyền thương mại, kết nghĩa, cơ sở chi nhánh, v.v.).

Hình 1: Giao điểm giữa Mô hình Tổng quan Quốc tế hoá của Knight và deWitt (2004) và Mô hình Chỉ số hiệu suất cho Quốc tế hóa của Paige (2005)



Hình 2: Định hướng trong quốc tế hoá giáo dục [14]

- 1) Luật quy định giáo dục của từng khu vực;
- 2) Thể chế của hệ thống giáo dục cho phép quá trình quốc tế hoá;
- 3) Mục tiêu của quá trình quốc tế hoá;
- 4) Đánh giá và đảm bảo chất lượng giáo dục trong quá trình quốc tế;
- 5) Nội dung đào tạo đảm bảo yếu tố quốc tế hoá trong dạy và học;
- 6) Quản lý và vai trò của lãnh đạo khu vực trong quá trình quốc tế hoá.

Thông qua hai khung lý thuyết này, tiêu chí đánh giá tổng quan cho quá trình quốc tế hoá giáo dục phổ thông được xây dựng dựa trên cơ sở dữ liệu thông tin, tính phù hợp với hệ thống giáo dục của các nước Châu Á và tính khách quan thông tin [14], [20]. Tiêu chí đánh giá bao gồm: 1) Mục tiêu và hướng dẫn triển khai quốc tế hoá giáo dục phổ thông; 2) Hoạt động và công tác triển khai quốc tế hoá giáo dục phổ thông; 3) Tiêu chuẩn đánh giá giáo dục trong bối cảnh quốc tế hoá giáo dục phổ thông.

2.2.2. Đánh giá tương quan về mục tiêu triển khai quốc tế hoá giáo dục phổ thông các quốc gia Châu Á

Về việc đặt ra mục tiêu rõ ràng trong việc triển khai quốc tế hoá giáo dục phổ thông, phần lớn các quốc gia Châu Á chưa đưa ra mục tiêu và chính sách rõ ràng để ban hành thể chế cụ thể. Đến nay, Đài Loan là một trong số ít quốc gia đưa ra mục tiêu triển khai cho giáo dục phổ thông quốc gia thông qua “Báo cáo Trắng 2.0 về giáo dục quốc tế cho các trường tiểu học và trung học” vào tháng 5 năm 2020. Mục đích nhằm cung cấp hỗ trợ tài chính cho các trường học theo ba hướng: quốc tế hóa trường học; phát triển chương trình giảng dạy và học tập; trao đổi quốc tế để đạt được các mục tiêu “Nuôi dưỡng công dân thế giới tương lai”, “Tạo ra môi trường thân thiện để nâng cao quốc tế hóa”, “Mở rộng trao đổi toàn cầu” [21]. Bộ Giáo dục Đài Loan cho rằng, quốc tế hóa trường học là nền tảng cung cấp môi trường toàn cầu để nuôi dưỡng và trang bị cho học sinh kiến thức, kỹ năng và thái độ về năng lực quốc tế hóa [22]. Năng lực quốc tế hóa cần được nuôi dưỡng và tăng cường bằng cách tích hợp các nguồn lực thông qua hợp tác toàn cầu [21].

Tuy rằng, tới nay chỉ có Đài Loan đưa ra mục tiêu và chiến lược riêng biệt cho quá trình quốc tế hoá giáo dục ở bậc học phổ thông nhưng thực tế cho thấy, mỗi nước hiện tại đều tạo điều kiện cho quá trình này thông qua việc đưa định hướng quốc tế vào cải cách giáo dục trong những năm gần đây. Cụ thể, Nhật Bản đưa ra “Kế hoạch khuyến khích phát triển nguồn nhân lực toàn cầu” (2016), trong đó Bộ Giáo dục Nhật Bản tạo điều kiện hợp tác cho các chương trình trao đổi quốc tế và tích hợp góc nhìn toàn cầu vào chương trình giảng dạy. Ngoài ra, Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT) Nhật Bản đã giới thiệu các biện pháp khác nhau nhằm tăng cường trình độ tiếng Anh, bao gồm sửa đổi chương trình học tiếng Anh, đào tạo cho giáo viên tiếng Anh và khuyến khích sử dụng các phương pháp giảng dạy tương tác. Những sáng kiến này được đưa ra nhằm phát triển năng lực toàn cầu, nâng cao trình độ tiếng Anh và thúc đẩy sự hiểu biết quốc tế giữa học sinh [23].

Bên cạnh đó, Hser (2005) chỉ ra rằng, xu hướng hội nhập quốc tế không chỉ thể hiện trong việc đưa ra mục tiêu quốc tế hoá cụ thể hay những cải cách quốc gia mà còn được thể hiện rõ nét trong việc quốc tế hoá chương trình giảng dạy thông qua lồng ghép các yếu tố quốc tế vào chương trình giáo dục quốc dân nhằm tiếp cận học sinh một cách gần gũi và bền vững [7]. Leask (2015) khẳng định rằng, hội nhập quốc tế chương trình giảng dạy là quá trình kết hợp các khía cạnh quốc tế, liên văn hóa và toàn cầu vào nội dung của chương trình giảng dạy cũng như kết quả học tập, nhiệm vụ đánh giá, phương pháp giảng dạy của một chương trình học [24].

Trung Quốc là một trong những quốc gia thể hiện

quyết tâm mạnh mẽ khi ra mắt “Kế hoạch quốc gia về cải cách và phát triển giáo dục trung và dài hạn 2010 - 2020”, với sự nhấn mạnh về tầm quan trọng của giáo dục quốc tế trong hệ thống giáo dục quốc dân. Trong 10 năm thực hiện dự án này, nhiều trường học phổ thông Trung Quốc bắt đầu sử dụng và tích hợp các chương trình giáo dục chuẩn quốc tế, bao gồm chương trình IB (International Baccalaureate) và AP (Advanced Placement) theo chuẩn Mỹ, IGCSE (International General Certificate of Secondary Education) và A-levels (Advanced levels) theo chuẩn của Anh [25]. Số liệu năm 2020 của International School Database cho thấy, Trung Quốc có khoảng 149 trường quốc tế, trở thành quốc gia có số lượng trường quốc tế lớn nhất Châu Á [26].

2.2.3. So sánh về hoạt động và công tác triển khai quốc tế hoá giáo dục phổ thông các quốc gia Châu Á

Theo Bộ Giáo dục Singapore (2019), giáo dục Singapore được cho là một nền giáo dục hướng tới sự toàn diện nhằm chuẩn bị cho học sinh đối mặt với sự phức tạp của thế giới hiện đại, định hướng nuôi dưỡng những công dân toàn cầu có năng lực, nhạy bén về văn hóa, có thể điều hướng những mô hình toàn cầu phức tạp và đóng góp tích cực cho xã hội [27]. Một số dự án quốc gia tiêu biểu đã phân nào thành công thúc đẩy quá trình quốc tế hoá giáo dục tại Singapore như EU Comes to Your School - Chương trình quốc tế được triển khai bởi Chính phủ Singapore nhằm tạo điều kiện cho các trường học phổ thông ở Singapore và ở Châu Âu có cơ hội hợp tác và trao đổi kinh nghiệm giáo dục. Chương trình này được thành lập từ năm 2019 và đã phát triển mạnh mẽ, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà trường và học sinh [27]. Mục tiêu chính của GSTP là xây dựng và thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa các trường học ở Singapore và trên toàn thế giới thông qua việc tạo ra các cơ hội trao đổi học sinh, giáo viên và quản lý giữa các trường học. Ngoài ra, Bộ Giáo dục Singapore đã đề xuất và thực hiện dự án *Character and Citizenship Education (CCE)* nhằm đào tạo các học sinh trở thành công dân toàn cầu thông qua việc khuyến khích nhận thức văn hóa đa dạng, trách nhiệm xã hội và tư duy sáng tạo. CCE tập trung vào việc xây dựng kiến thức, kỹ năng và giá trị cần thiết để học sinh có thể tham gia tích cực và hiệu quả trong xã hội đa văn hóa và toàn cầu hóa ngày nay [28]. Bên cạnh những dự án quốc gia, sự phát triển của *Khung đánh giá chuẩn năng lực thế kỷ XXI* của Bộ Giáo dục Singapore vào năm 2006 một lần nữa khẳng định được nhận thức sớm của quốc gia này trong việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế, đưa giáo dục tiên tiến quốc tế tới học sinh Singapore cũng như đưa con người và văn hóa Singapore ra thế giới [29].

Bên cạnh Singapore, Hàn Quốc cũng là một quốc gia với những chỉ đạo mạnh mẽ về quá trình quốc tế

hoá giáo dục. Giống nhiều quốc gia khác, một số chính sách, chương trình và hành lang pháp lý đã được thiết lập cho quá trình quốc tế hoá ở bậc đại học [30]. Ở cấp độ phổ thông, hiện nay Bộ Giáo dục Hàn Quốc đang nỗ lực đưa ra định hướng chương trình và hoạt động giáo dục cấp bách để đẩy mạnh yếu tố quốc tế trong chương trình giáo dục phổ thông. Một trong những chương trình tiêu biểu có thể kể tới là *Chương trình Quốc tế hoá Giáo dục (Internationalization of Education Program)* áp dụng cho các trường phổ thông từ năm 2010, trong đó chương trình chủ yếu tập trung vào việc phát triển khả năng quốc tế hoá cho học sinh và giáo viên [31]. Các hoạt động và biện pháp chính trong chương trình bao gồm hoạt động đào tạo giáo viên, chương trình đổi mới phương pháp giảng dạy với cách tiếp cận quốc tế, hỗ trợ tài chính cho nhà trường và đẩy mạnh các hợp tác quốc tế [30], [31]. Ngoài ra, Bộ Giáo dục Hàn Quốc cũng khuyến khích tuyển dụng giáo viên nước ngoài để giảng dạy tiếng Anh và các môn ngôn ngữ nước ngoài khác trong các trường phổ thông [5]. Về lĩnh vực hợp tác quốc tế, Hàn Quốc đã thiết lập các đối tác hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa. Điều này bao gồm việc kí kết thỏa thuận hợp tác với các trường học, tổ chức và đại sứ quán nước ngoài để thúc đẩy trao đổi học sinh, chương trình học chung và các hoạt động văn hóa [5].

2.2.4. So sánh về tiêu chuẩn đánh giá giáo dục trong bối cảnh quốc tế hoá giáo dục phổ thông các quốc gia Châu Á

Khi nhu cầu về hội nhập quốc tế về giáo dục trở thành một ưu tiên cho các trường phổ thông, các nhà giáo dục và nhà hoạch định chính sách cần đưa ra phương thức đánh giá thành tích của học sinh theo hướng quốc tế hoá. Các trường có xu hướng hội nhập quốc tế ở các nước phát triển như Mỹ tập trung đánh giá thành tích của học sinh bằng các bài thi tiêu chuẩn (standardized testing) như IELTS, SAT, Checkpoint (Cambridge), IB Examinations. Theo Hudzik và McCarthy (2012), việc nhấn mạnh vào các bài kiểm tra tiêu chuẩn hóa có thể dẫn đến sự giảm tải chương trình học, từ đó đề xuất các khung đánh giá theo năng lực hiệu quả hơn [32]. Việc đo lường học sinh theo chuẩn quốc tế, từ đó bắt đầu được áp dụng một cách rộng rãi [6].

Với những thay đổi mới trong bối cảnh giáo dục thế giới với sự hội nhập ngày một gia tăng, ngoài các bài kiểm tra quốc tế chuẩn hoá, việc đánh giá chất lượng giáo dục được quy về việc xây dựng các chỉ tiêu giáo dục theo quy chuẩn quốc tế. Cụ thể, liên minh Châu Âu (European Commission) xây dựng 16 chỉ tiêu giáo dục liên quan đến 4 lĩnh vực: kết quả học tập các môn học, tỉ lệ bỏ học và tốt nghiệp, kết quả giám sát các hoạt động giáo dục, chất lượng nguồn lực để đánh giá chất lượng hệ thống giáo dục quốc gia (2012). Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) xây dựng hệ

thống gồm 26 chỉ tiêu giáo dục liên quan đến kết quả học tập, nguồn lực tài chính và con người đầu tư cho giáo dục và môi trường giáo dục tạo cơ sở cho việc đánh giá, so sánh toàn diện kết quả thực hiện giáo dục trong phạm vi 20 nước phát triển [33]. Đối với các nước đang phát triển, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp quốc (UNESCO) đã phối hợp với OECD khởi xướng Chương trình các chỉ tiêu giáo dục thế giới WEI (World Education Indicators) với sự tham gia của 19 nước trong khu vực, trong đó có Indonesia, Ấn Độ, Malaysia, Philippines [34]. Thêm vào đó, việc đo lường và đánh giá học sinh theo các chương trình quốc tế cũng được đề cập như Chương trình đánh giá học sinh quốc tế (PISA) của OECD và Chương trình Khuynh hướng khoa học và toán trên thế giới (TIMSS) của Hiệp hội quốc tế đánh giá thành tựu giáo dục (IEA). Những bài thi đánh giá năng lực quốc tế ngày càng thu hút được sự quan tâm và tham gia của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó Trần (2009) chỉ ra rằng, kì thi PISA không chỉ đơn thuần là một chương trình nghiên cứu đánh giá chất lượng giáo dục mà trở thành xu hướng đánh giá quốc tế. Dữ liệu đánh giá học sinh từ những bài kiểm tra quốc tế cũng sẽ được sử dụng để đo lường một số khía cạnh của chất lượng giáo dục hệ thống quốc gia theo tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế, từ đó giúp các nước cải thiện chính sách và kết quả giáo dục [35], [36]. Tại Đông Nam Á, Chương trình Đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học các nước Đông Nam Á (SEA PLM) với sự tham gia của 6 nước Việt Nam, Lào, Campuchia, Malaysia, Myanmar, Philippines. Chương trình này nhằm nỗ lực đánh giá và giám sát việc học sinh tiếp thu kiến thức và kĩ năng cũng như nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục tiểu học ở Đông Nam Á, thúc đẩy hội nhập giáo dục quốc tế.

Có thể thấy, quá trình quốc tế hoá giáo dục phổ thông không chỉ được thể hiện qua việc đặt mục tiêu quốc tế hoá, thông qua cải cách giáo dục, thông qua việc lồng ghép nội dung và phương pháp có yếu tố quốc tế và các dự án, hoạt động quốc tế giữa các nước, mà còn được thể hiện qua hệ thống đánh giá chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu năng lực của nguồn nhân sự trong bối cảnh thời đại hội nhập.

2.3. Hiện trạng, thách thức và giải pháp quốc tế hoá giáo dục phổ thông tại Việt Nam

2.3.1. Hiện trạng quốc tế hoá giáo dục phổ thông tại Việt Nam

Hoà chung với dòng chảy của thế giới và xu hướng quốc tế hoá giáo dục trong khu vực, Việt Nam đang vươn mình mạnh mẽ trong quá trình quốc tế hoá giáo dục. Đối với Việt Nam, hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo cần được thực hiện theo hướng hiện đại nhưng vẫn giữ gìn được bản sắc dân tộc trong giáo dục con người Việt Nam với những đặc trưng riêng. Do đó, chuyên gia cho rằng, trong hội nhập quốc tế về giáo

dục - đào tạo phải tìm kênh tiếp cận thích hợp, lựa chọn lĩnh vực mũi nhọn, đột phá [37]. Việc hội nhập quốc tế về giáo dục đào tạo có thể thông qua nhiều kênh khác nhau, từ việc kí kết điều ước quốc tế thực hiện hợp tác giáo dục đến việc trao đổi, tham gia các hoạt động quốc tế khác nhằm nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn giáo dục, đào tạo trong nước [35]. Mặc dù chưa có chính sách và thể chế cụ thể liên quan tới quốc tế hoá giáo dục, Chính phủ Việt Nam đã và đang nhanh chóng đưa ra nhiều biện pháp nhằm thúc đẩy quốc tế hoá giáo dục trong nước với mục tiêu phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Sự phát triển của các trường quốc tế và chương trình giáo dục có yếu tố quốc tế: Một trong những xu hướng nổi bật trong quá trình quốc tế hoá giáo dục phổ thông tại Việt Nam là sự phát triển mạnh mẽ của các trường quốc tế và các chương trình giáo dục đa dạng như chương trình chất lượng cao, chương trình song ngữ, chương trình tích hợp. Theo dữ liệu của International School Database, năm 2022 Việt Nam có 69 trường quốc tế, cung cấp các chương trình giáo dục quốc tế uy tín như International Baccalaureate (IB), Advanced Placement (AP), A-Levels, IGCSE (UK) và bằng tốt nghiệp trung học của nhiều quốc gia khác nhau [26]. Đây là các chương trình giáo dục tiên tiến và uy tín, đáp ứng yêu cầu về kiến thức và kỹ năng toàn cầu, giúp học sinh có cơ hội tiếp cận với các trường đại học hàng đầu thế giới.

Ngoài ra, khái niệm trường song ngữ và trường giảng dạy chương trình tích hợp trên nền tảng của việc kết hợp giữa chương trình giáo dục quốc gia Việt Nam và chương trình giáo dục quốc tế cũng đang trở nên ngày càng phổ biến. Đến năm 2021, tổng số trường mầm non, phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài và có giảng dạy chương trình nước ngoài là 122 trường, trong đó bao gồm 77 trường tư thục có vốn đầu tư nước ngoài và 45 trường của Việt Nam, tập trung phần lớn tại 5 tỉnh, thành phố lớn của đất nước [26]. Theo Bùi (2019), việc tích hợp chương trình quốc tế trong quá trình xây dựng bộ sách giáo khoa quốc gia đã được thực hiện một cách có hệ thống và có kế hoạch [38]. Trong những năm gần đây, Chính phủ và các cơ quan giáo dục đã nghiên cứu, tham khảo các chương trình giáo dục quốc tế uy tín để tìm hiểu và lựa chọn những nội dung, phương pháp giảng dạy phù hợp với điều kiện và đặc điểm của nền giáo dục Việt Nam. Các nội dung được tích hợp vào bộ sách giáo khoa quốc gia chủ yếu tập trung vào việc phát triển kỹ năng sống, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, giao tiếp và làm việc nhóm. Bùi (2019) cũng chỉ ra rằng, bộ sách giáo khoa cũng đưa ra những đổi mới trong cách trình bày kiến thức, giúp học sinh dễ dàng tiếp cận và hiểu được bản chất của các vấn đề, khuyến khích tính sáng tạo và tính chủ động trong học tập [38].

Ngoài ra, việc đưa tiếng Anh hoặc ngôn ngữ thứ hai khác vào giảng dạy các môn học cũng là một phần của quá trình tích hợp chương trình quốc tế vào giáo dục phổ thông Việt Nam.

Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập: Quốc tế hoá giáo dục phổ thông tại Việt Nam còn được thể hiện qua những nỗ lực nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Luật pháp Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện cho công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu, đồng thời khuyến khích để người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hợp tác giảng dạy và chuyển giao công nghệ giáo dục ở Việt Nam [36], [38].

Ngoài việc tạo điều kiện cho phát triển và đào tạo đội ngũ nhân lực, định hướng dạy và học tại Việt Nam cũng có sự chuyển biến đáng kể để bắt kịp với xu hướng giáo dục thế giới. Cụ thể, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nhấn mạnh tầm quan trọng của phương pháp dạy học phát triển năng lực, phẩm chất, kỹ năng người học [39]. Xu hướng sử dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo trong dạy học đã và đang tạo ra sự đa dạng các loại hình và hoạt động học tập trong và ngoài lớp học: học cá nhân, học hợp tác, học hỗn hợp, học trực tuyến, lớp học đảo ngược hay tăng cường hoạt động trải nghiệm và nghiên cứu qua các dự án học tập. Các phương pháp dạy học tích cực và các kỹ thuật dạy học hỗ trợ cũng được sử dụng một cách phong phú nhằm giúp học sinh phát triển năng lực cá nhân và giúp họ hình thành năng lực học tập suốt đời [38].

Phương pháp đánh giá giáo dục: Với sự thay đổi trong Chương trình Giáo dục phổ thông, phương pháp đánh giá hiệu quả học tập không còn chú trọng vào các bài kiểm tra thường xuyên, mà đánh giá xuyên suốt quá trình học tập và tự đánh giá của người học cũng chính là xu thế đánh giá của nền giáo dục mới chú trọng vào năng lực học sinh. Ngoài ra, Việt Nam cũng thực hiện định kì đánh giá quốc gia về chất lượng học tập của học sinh nhằm xác định mặt bằng làm căn cứ đề xuất những chính sách, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục của từng địa phương hay quốc gia. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức nhiều kì thi học sinh giỏi quốc gia và cử đoàn tham gia các kì thi Olympic quốc tế nhằm đánh giá các năng lực đa dạng của học sinh về các môn văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, khoa học, kỹ thuật, giải toán bằng máy tính bỏ túi.

Công tác kiểm tra, đánh giá và kiểm định chất lượng được chú trọng không chỉ trong phạm vi quốc gia mà mang tính quốc tế như việc tham gia các kì thi như PISA, TIMSS. Với những thay đổi kể trên, học sinh Việt Nam ngày càng bắt kịp các xu hướng học tập trên thế giới, với điểm số các kì thi đánh giá thế giới ngày càng tích cực. Kết quả PISA 2018 trên bảng kết quả của OECD công bố cho thấy, Đọc hiểu - lĩnh vực trọng tâm của chu kì 2018, Việt Nam đạt 505 điểm, điểm số

cao thứ 13/79 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia (chu kỳ 2012 đứng thứ 19/65; chu kỳ 2015 đứng thứ 32/70). Lĩnh vực Toán học, Việt Nam đạt 496 điểm, điểm số cao thứ 24/79 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia (chu kỳ 2012 đứng thứ 17/65; chu kỳ 2015 đứng thứ 22/70). Lĩnh vực Khoa học, Việt Nam đạt 543 điểm, điểm số cao thứ 4/79 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia (chu kỳ 2012 đứng thứ 8/65; chu kỳ 2015 đứng thứ 8/70) [40].

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục: Đến năm 2022, Việt Nam đã thiết lập quan hệ hợp tác giáo dục với hơn 100 quốc gia và lãnh thổ [41]. Ở cấp độ Chính phủ, theo Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo đánh giá tại Hội nghị thường niên cán bộ chủ chốt mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á về đảm bảo chất lượng (AUN- QA), trong 7 năm qua, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được nâng lên, giúp nâng cao hiệu quả về hợp tác quốc tế và vị thế của Việt Nam trên thế giới. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giai đoạn 2013 - 2016, đã có 68 thỏa thuận quốc tế và 23 điều ước quốc tế được kí kết; Giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì đàm phán, kí kết 75 thỏa thuận và điều ước quốc tế cấp Chính phủ và cấp Bộ. Đặc biệt, năm học 2019 - 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì, kí kết được 21 văn bản hợp tác quốc tế (gồm 6 văn bản cấp Chính phủ, 15 văn bản cấp Bộ) và kí kết thỏa thuận về công nhận văn bằng để thúc đẩy việc dịch chuyển sinh viên với các nước trong khu vực và trên thế giới như: Hiệp định về trường đại học Việt - Đức, Hiệp định về việc giảng dạy tiếng Anh theo chương trình hòa bình; Công hàm trao đổi về Dự án học bổng phát triển nguồn nhân lực với Nhật Bản [41].

Ở cấp độ trường học, các trường phổ thông tại Việt Nam đã tích cực kết nối với các tổ chức giáo dục quốc tế và các trường học ở nước ngoài để trao đổi kinh nghiệm, học tập và nâng cao chất lượng giảng dạy [37]. Ngoài ra, các chương trình hợp tác giữa các trường học Việt Nam và nước ngoài cũng được triển khai nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế. Các chương trình hợp tác này thường bao gồm việc tổ chức các cuộc thi, hội thảo, học bổng, chương trình trao đổi học sinh và giáo viên cũng như việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến từ nước ngoài [36].

Khuyến khích vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực giáo dục: Từ những năm 2000, Việt Nam đã ban hành các văn bản pháp lí (Nghị định 06/2000/ND-CP và Nghị định 18/2001/ND-CP) khuyến khích sự hiện diện thương mại của các nhà cung ứng dịch vụ giáo dục từ nước ngoài theo cơ chế lợi nhuận và không lợi nhuận dưới các hình thức văn phòng đại diện, cơ sở liên kết và cơ sở 100% vốn nước ngoài (trường quốc tế) [34]. Tác động tích cực của việc này là xây dựng hành lang pháp lí, một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia phát triển giáo dục trong

nước, mặt khác đưa dần công tác quản lí các cơ sở này vào nền nếp, thúc đẩy tiến trình đa dạng hóa giáo dục, đáp ứng nhu cầu của một bộ phận người học thuộc các gia đình có thu nhập cao, khuyến khích du học tại chỗ. Để làm được điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lí hợp tác và đầu tư với nước ngoài, quản lí cán bộ, công chức, viên chức đi công tác nước ngoài, đồng thời triển khai 6 dịch vụ công mức độ 3 và 4 về công tác tuyển sinh, quản lí du học sinh Việt Nam đi học ở nước ngoài bằng học bổng có sử dụng ngân sách nhà nước trên cổng dịch vụ công quốc gia [34], [38].

2.3.2. Thách thức và giải pháp cho Việt Nam

Có thể nói rằng, Việt Nam không hề thua kém các quốc gia trong khu vực về những biện pháp cải thiện tình hình hội nhập quốc tế về giáo dục phổ thông. Trong đó, Chính phủ cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đã đưa ra những hướng dẫn và đường lối cho việc thúc đẩy hội nhập. Tuy nhiên, xét về khía cạnh vĩ mô, những dự án và chương trình quốc tế hiện tại đang diễn ra tại Việt Nam vẫn mang tính chất rời rạc, không nhất quán và không có luật hay chính sách hướng dẫn về mặt pháp lí, từ đó gây ra sự cục bộ trong việc triển khai các dự án đề xuất này. Xét về khía cạnh vi mô, tác giả cho rằng, mặc dù đã đạt được một số thành tựu, quá trình quốc tế hoá giáo dục vẫn chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực của đất nước. Cụ thể, tác giả chỉ ra rằng, việc giảng dạy các chương trình giáo dục quốc tế, chương trình giáo dục tích hợp ở bậc mầm non, phổ thông cũng chỉ có ở một số thành phố lớn, tập trung chủ yếu ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. Các quy định về chương trình tích hợp chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn. Ngoài ra, việc tổng kết, đánh giá chương trình giáo dục quốc tế còn gặp nhiều hạn chế. Chương trình bồi dưỡng đội ngũ giảng dạy đáp ứng yêu cầu triển khai các chương trình tích hợp, chương trình quốc tế còn chưa được quan tâm đúng mức và chưa có kế hoạch cụ thể. Từ đó, một số giải pháp được đề xuất nhằm đẩy mạnh quá trình quốc tế hoá giáo dục phổ thông tại Việt Nam như sau:

Giải pháp 1: *Đưa quốc tế hoá giáo dục phổ thông thành chính sách cụ thể và có cơ chế hướng dẫn thực hiện quá trình này cho từng cấp bậc chính quyền.*

Giải pháp này đến từ bài học của một quốc gia Châu Á, Israel thông qua một nghiên cứu từ năm 2015 của nhóm tác giả Yemini và Fulop (2015) [42]. Nghiên cứu chỉ ra tầm quan trọng của tác động của xu thế hội nhập quốc tế vào sự phát triển của Chương trình Giáo dục phổ thông, xây dựng nền móng vững chắc về kiến thức, kĩ năng và phẩm chất của học sinh, chuẩn bị hành trang cho giáo dục đại học, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Cụ thể, Bộ Giáo dục Israel đã

phải cam kết xây dựng lại Chương trình Giáo dục phổ thông dựa trên chính sách quốc gia nhằm đảm bảo kiến thức, kỹ năng và năng lực của nguồn nhân lực xuất phát từ nhu cầu và áp lực về nguồn nhân lực của nền kinh tế tri thức, đặc biệt là trong bối cảnh sự phát triển không ngừng của công nghệ và của tiến trình toàn cầu hoá.

Giải pháp 2: Cần có thể chế rõ ràng để thực hiện chính sách quốc tế hoá giáo dục phổ thông.

Ngoài việc xây dựng một chính sách rõ ràng, xây dựng thể chế để quán triệt quá trình thực hiện và triển khai, đảm bảo rằng từng địa phương không phải vùng trọng điểm cũng nhận được hỗ trợ và hướng dẫn từ chính quyền địa phương nhằm nâng cao nhận thức, nắm được tinh thần thực hiện và sẵn sàng thử nghiệm triển khai tích hợp nội dung quốc tế vào lớp học của mình [9], [10]. Sự hỗ trợ kịp thời từ chính quyền địa phương và các ban ngành liên quan cũng giúp cho nhà trường hiểu hơn về quy chế, nguồn tài trợ thực hiện chính sách, từ đó làm việc với giáo viên, gia đình và bản thân học sinh một cách hiệu quả, tránh tình trạng bản thân giáo viên và học sinh không có hứng thú và động lực tham gia vào các quá trình hội nhập mang tính quốc tế và đa văn hóa, giao lưu văn hóa [42].

Ngoài ra, nghiên cứu của Yemini và Fulop (2015) chỉ ra vai trò vô cùng quan trọng của nhà trường như là đơn vị nhà nước cung cấp dịch vụ giáo dục cho người dân trong việc chủ động tạo ra các kết nối mang tính quốc tế, tham gia vào mạng lưới hội nhập bằng cách tìm kiếm các đối tác từ các cộng đồng đa văn hóa, các bên liên quan (doanh nghiệp, hội phụ huynh) [42]. Quan trọng nhất là lãnh đạo nhà trường phải nhận thấy lợi ích của việc tham gia tiến trình hội nhập quốc tế và có được cách thức tiếp cận (cả về ý tưởng và hoạt động thực tiễn) phù hợp. Ở cấp độ nhà trường, để có thể tham gia hiệu quả vào quá trình thúc đẩy tính quốc tế trong nhà trường, cần có các yếu tố sau (xem Hình 3).

Giải pháp 3: Đẩy mạnh sự hiện diện của chương trình quốc tế và yếu tố quốc tế trong Chương trình Giáo dục phổ thông.

Mặc dù một số biện pháp về việc khuyến khích sự

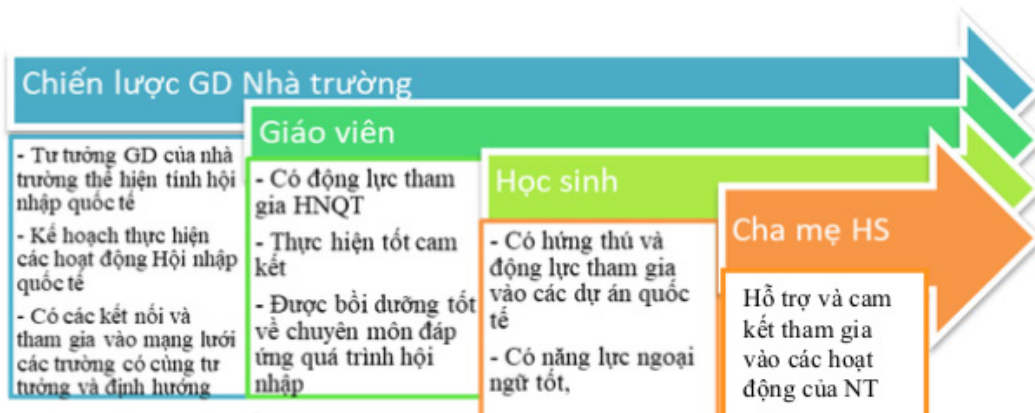
hiện diện của các chương trình giảng dạy quốc tế tại Việt Nam đã được đưa ra, việc đẩy mạnh quốc tế hoá chương trình giáo dục phổ thông vẫn là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của quá trình quốc tế hoá giáo dục. Knight (2014) lần nữa khẳng định tầm quan trọng của việc xây dựng chương trình trong việc hội nhập quốc tế về giáo dục, trong đó có liên quan đến các vấn đề cách tiếp cận, phương pháp giảng dạy, tính chất liên văn hóa, liên ngành và toàn cầu tạo thành một “Tư duy quốc tế” [13]. Theo đó, để giáo dục một công dân toàn cầu, điều quan trọng là phải đặt câu hỏi và phát triển các kỹ năng tư duy phản biện để học sinh có cơ hội đạt được kiến thức, kỹ năng và giá trị để thông hiểu và tôn trọng các vấn đề địa phương và toàn cầu [13].

Giải pháp 4: Tập trung nâng cao năng lực và trình độ của đội ngũ giáo viên nhà trường.

Để đáp ứng được yêu cầu phát triển năng lực học sinh, trước tiên, Hudzik (2011) khẳng định rằng, đội ngũ giáo viên cần được tăng cường các năng lực quốc tế hoá [43]. Đối với đội ngũ giáo viên, cần tập trung nâng cao trình độ xây dựng chương trình và nghiên cứu giảng dạy, giúp các giáo viên làm quen và hiểu rõ những đặc điểm cơ bản của giáo dục quốc tế, thiết kế các phương pháp giảng dạy và phương tiện kỹ thuật khác nhau, tăng cường thực hành giảng dạy và khả năng nghiên cứu học thuật, đồng thời đào tạo một nhóm giáo viên chủ chốt với những ý tưởng giáo dục tiên tiến, kiến thức lý thuyết vững chắc, kỹ năng giảng dạy lành nghề, trình độ giảng dạy và nghiên cứu xuất sắc.

3. Kết luận

Để tiếp bước theo sự phát triển toàn cầu, việc hội nhập quốc tế là điều tất yếu và không thể tránh khỏi. Quốc tế hoá giáo dục được xem là mục tiêu trọng yếu của thế kỉ XXI đối với tất cả các quốc gia, với một hiện tượng đáng chú ý là quốc tế hoá giáo dục phổ thông nhằm chuẩn bị kiến thức và kỹ năng cơ bản cho thế hệ học sinh tiềm năng, thực chất là nguồn nhân lực tương lai của mỗi quốc gia. Thông qua bài viết này, ta thấy chính



Hình 3: Các yếu tố cần thiết trong việc thúc đẩy quốc tế hoá giáo dục tại nhà trường phổ thông Việt Nam

sách, chiến lược, mục tiêu và thực tiễn hội nhập quốc tế hoá giáo dục của các quốc gia Châu Á đều phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội và văn hoá cụ thể của mỗi quốc gia. Cụ thể, chỉ có một số ít quốc gia Châu Á (Ví dụ: Đài Loan) đã xác định mục tiêu quốc tế hoá giáo dục một cách rõ ràng. Tuy nhiên, đa số các quốc gia đã nhận thức được sự quan trọng của hiện tượng này đối với giáo dục phổ thông và đã triển khai các dự án quốc gia nhằm tăng cường quá trình quốc tế hoá và trao đổi văn hoá giữa các quốc gia. Nhiều quốc gia cũng đã bắt đầu tích hợp nội dung quốc tế vào chương trình giáo

dục quốc dân nhằm nâng cao hiểu biết và kỹ năng của học sinh một cách tự nhiên.

Trong khu vực, Việt Nam đã cho thấy những tiến bộ tích cực trong việc khuyến khích các chương trình trao đổi quốc tế, tạo điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài mở rộng hoạt động trong nước và tích hợp nội dung quốc tế vào Chương trình giáo dục. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức và hạn chế, do đó chưa thể tận dụng tối đa tiềm năng của quốc tế hoá giáo dục để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Altbach, P. G. (2004), *Globalisation and the university: Myths and realities in an unequal world*, *Tertiary Education and Management*, 10(1), 3–25.
- [2] Brennan, L., & Garvey, D. (2009), *The role of knowledge in internationalisation*, *Research in International Business and Finance*, 23(2), 120-133.
- [3] Fullan, M., (2007), *The new meaning of educational change*, New York, NY: Teachers College Press.
- [4] De Wit, H., (2020), *Internationalisation of higher education: The need for a more ethical and qualitative approach*, *Journal of International Students*, 10(1), 2166–3750.
- [5] Chang, D. F., (2015), *Implementing internationalisation policy in higher education explained by regulatory control in neoliberal times*, *Asia Pacific Education Review*, 16, 603–612.
- [6] Hallinger, P. (2009), *Leadership for 21st century schools: From instructional leadership to leadership for learning*, The Hong Kong Institute of Education, Hong Kong, China.
- [7] Hser, M. (2005), *Campus Internationalisation: A study of American Universities' Internationalisation Efforts*, *International Education*, 35(1), 35.
- [8] Asia Society, (2008b), *Why does international education matter?* New York, NY: Asia Society.
- [9] Mansilla, B. V., & Jackson, A. (2011), *Educating for Global Competence: Preparing Our Youth to Engage the World*, Asia Society and Council of Chief State School Officers.
- [10] Ortloff, D. H., Shah, P. P., Lou, J., & Hamilton, E. (2012), *International education in secondary schools explored: A mixed-method examination of one Midwestern state in the USA*, *Intercultural Education*, 23(2), 161- 180.
- [11] Arum, S., & van de Water, J. (1992), *The need for a definition of international education in U.S. universities*. In C. Klasek (Ed.), *Bridges to the futures: Strategies for internationalisation of higher education* (pp. 191–203), Carbondale, IL: Association of International Education Administrators.
- [12] Harari, M. (1981), *Internationalising the curriculum and the campus: Guidelines for AASCU*. [13]
- [13] Knight, J. & De Wit, H., (2004), *Internationalisation remodelled: Definition, approaches, and rationales*, *Journal of Studies in international education*, 8(1), 5-31.
- [14] Kupriyanov, R. V., Zaripov, R. N., Valeyeva, N. S., Valeyeva, E. R., Zaripova, I. R., & Nadeyeva, M. I., (2015), *The main directions of international educational integration: Potential benefits and risks of reforming professional education*, *Rev. Eur. Stud.*, 7, 305.
- [15] Zapp, M., & Learch, J. C. (2020), *Imagining the World: Conceptions and Determinants of Internationalization in Higher Education Curricula Worldwide*, *Sociology of Education*, 93(4), 1-21.
- [16] Muresan, D., Crăciun, I., & Roceanu, I. (2018), *Is Electoral Integrity a necessity in the contemporary democratic world?* International Scientific Conference Strategies 21 Romania Centenary.
- [17] Poole, A., Liujinya, Y., Yue, S. (2022), *We're away from everything": understanding the struggles faced by internationalised schools in non-urban contexts in China*, *Sage Open*, 12(1).
- [18] Krechetnikov, K. G., & Pestereva, N. M. (2017), *A comparative analysis of the education systems in Korea and Japan from the perspective of internationalisation*, *European Journal of Contemporary Education*, 6(1), 77–88.
- [19] Wang, S. (2022), *Despite Decreased Numbers, Asia Remains Largest Source of International Students and Scholars in the United States*, Retrieved from: <https://asiamattersforamerica.org/articles/despite-decreased-numbers-asia-remains-largest-source-of-international-students-and-scholars-in-the-united-states>.
- [20] Paige, R. M. (2005), *Internationalisation of higher education: Performance Assessment and Indicators*, *Nagoya Journal of Higher Education*, 5, 99–122.
- [21] Gao, Y. (2015), *Toward a set of internationally applicable indicators for measuring university internationalisation performance*, *Journal of Studies in International Education*, 19(2), 182–200.
- [22] Taiwan Ministry of Education, (2020), *White Paper 2.0 on International Education for Primary & Secondary Schools*, Retrieved from <https://www.ietw2.edu.tw/en/R-0/WhitePaper>.
- [23] Japan Ministry of Education. (2018). Retrieved from: <https://www.mext.go.jp/en/>.
- [24] Leask, B. (2015), *Internationalising the curriculum*, Routledge.
- [25] China Ministry of Education. (2018). Retrieved from: <http://en.moe.gov.cn/>.
- [26] International Schools Database. (n.d.). Country: Vietnam.
- [27] Singapore Ministry of Education, (2019), *'EU Comes To Your School': Celebrating Cultural Diversity, Broadening Global Perspectives*, Retrieved from:

- <https://www.moe.gov.sg/news/press-releases/20190513-eu-comes-to-your-school-celebrating-cultural-diversity-broadening-global-perspectives>.
- [28] Singapore Ministry of Education, (2019), *Character and Citizenship Education*, Retrieved from: <https://www.moe.gov.sg/news/parliamentary-replies/20221128-character-and-citizenship-education>.
- [29] Singapore Ministry of Education, (2019), *21st Century Competencies*, Retrieved from: <https://www.moe.gov.sg/education-in-sg/21st-century-competencies>.
- [30] Byun, K., & Kim, M, (2011), *Shifting patterns of the government's policies for the internationalization of Korean higher education*, Journal of Studies in International Education, 15(5), 467–486.
- [31] Cho, J, (2016), *A critical analysis of internationalization, the emerging global higher education market*, Korean Journal of Comparative Education, 64(2), 25–54.
- [32] Hudzik, J. K., & McCarthy, J. S, (2012), *Leading comprehensive internationalisation: Strategy and tactics for action*, Washington, D.C.: NAFSA, Association of International Educators.
- [33] OECD, (2010), *Education at a Glance 2010: OECD Indicators*, Retrieved from: <https://www.oecd.org/education/skills-beyond-school/educationataglance2010oecdindicators.htm>.
- [34] OECD, (2005), *OECD Annual Report: 2005*, Retrieved from: <https://www.oecd.org/about/34711139.pdf>.
- [35] Trần, K. Đ, (2009), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực (Education and Human Resources Development)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [36] Phạm, L. H, (2014), *Giáo dục quốc tế - một vài tư liệu và so sánh (International education Comparison)*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [37] Phạm, Đ. N. T, (2014), *Giáo dục Việt Nam hội nhập quốc tế (Vietnam Education in International Integration)*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [38] Bùi, A. K, (2019), *Giáo dục và hội nhập quốc tế (Education and Internationalisation)*, NXB Đại học Cần Thơ.
- [39] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông*, <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/CT-GDPT-Tong-The.aspx?ItemID=8421>.
- [40] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), *Công bố kết quả đánh giá học sinh quốc tế PISA 2018*, <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/doi-moi-can-ban-toan-dien-gd-va-dt.aspx?ItemID=6389>.
- [41] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2022), *Hội nghị hợp tác và đầu tư trong giáo dục*, <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/hoi-nhap-quoc-te-ve-gddt/Pages/tintuc.aspx?ItemID=8122>.
- [42] Yemini, M., & Fulop, A, (2015), *The international, global and intercultural dimensions in schools: An analysis of four internationalised Israeli schools*, Globalisation, Societies and Education, 13(4), 528-552.
- [43] Hudzik, J.K, (2011), *Comprehensive internationalisation. From concept to action*, Washington, DC: NAFSA.

OVERVIEW OF THE INTERNATIONALIZATION OF K-12 EDUCATION IN ASIA AND LESSONS FOR VIETNAM

Le Anh Vinh¹, Tran My Ngoc^{*2}

¹ Email: vinhle@vnies.edu.vn

^{*} Corresponding author

² Email: ngoctm@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Education Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi,
Vietnam

ABSTRACT: *International integration is an essential factor to keep up with global trends, and the internationalization of education is a crucial goal for many countries in the 21st century. In recent years, the internationalization of K-12 education has become a rising trend, aiming to prepare the necessary knowledge and skills for nation's future generation and potential human resources. The findings of this paper demonstrate that in the Asian region, many countries have started to develop a deep understanding regarding the significance of this phenomenon, as evidenced by the implementation of educational projects on a national scale for global integration, including the integration of international content into national education programs. The internationalization of K-12 education has also transformed the process of assessing education quality, with the widespread adoption of standardized tests and internationally benchmarked assessments. Specifically, Vietnam has made significant progress in promoting international exchanges, attracting foreign investment, and integrating international curriculum content. However, Vietnam still faces numerous challenges. Therefore, it is crucial to implement effective solutions to meet the development needs and become a pioneering nation in the process of international integration in the Asian region as a whole.*

KEYWORDS: Global integration, educational internationalization, K-12 education, Asian countries, Vietnam.